

Phụ lục
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ
2854/QĐ-UBND NGÀY 20/12/2022 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH VỀ
VIỆC BAN HÀNH BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 mục II như sau:

“- Tự đánh giá của cấp sở:

+ Cấp sở tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả nhiệm vụ CCHC của sở theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp sở và hướng dẫn của UBND tỉnh. Điểm cấp sở tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục I;

+ Điểm tự đánh giá của cấp sở được các thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh trên cơ sở tài liệu kiểm chứng và tình hình thực tế. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC, Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Kết quả chấm điểm được thể hiện tại cột “Thẩm định” của Phụ lục I;

+ Không chấm điểm đối với tiêu chí không giao các sở, ban, ngành thực hiện. Chỉ số CCHC được tính theo tỷ lệ phần trăm giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa có thực hiện;

+ Đánh giá Chỉ số CCHC trên cơ sở tài liệu kiểm chứng. Những nội dung đã thực hiện nhưng không có tài liệu kiểm chứng của cơ quan, đơn vị chứng minh việc đã thực hiện thì không được tính điểm;

+ Thẩm định từng tiêu chí, tiêu chí thành phần đảm bảo tính thống nhất nguồn tài liệu kiểm chứng của các cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Phụ lục I với nội dung “Điều tra xã hội học”. Việc điều tra xã hội học được tiến hành độc lập để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau theo quy định.

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp sở.

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra xã hội học” của Phụ lục I.”

b) Bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 4 mục IV như sau:

“ l) Sở Nội vụ tổng hợp điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”. Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa có thực hiện. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa có thực hiện của từng lĩnh vực.”

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Phụ lục I: Tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá chỉ số CCHC cấp sở

a) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí 1.7 như sau:

1.7	<i>Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm</i>
1.7.1	<i>Tất cả nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 1.5</i>
1.7.2	<i>Tất cả nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng có một số nhiệm vụ bị trễ hạn tính theo công thức: $(b/a) \times 1.5 + (c/a) \times 1$ Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao (Điều kiện $a \neq 0$). b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn. c là số nhiệm vụ đã hoàn thành trễ hạn.</i></i>
1.7.3	<i>Các trường hợp khác tính theo công thức: $(b/a) \times 1.5 + (c/a) \times 1 + (d/a) \times 0.5$ Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao (Điều kiện $a \neq 0$). b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn. c là số nhiệm vụ đã hoàn thành trễ hạn. d là số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành.</i></i>
1.7.4	<i>Tất cả nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0</i>

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí 2.2 như sau:

2.2	<i>Xây dựng văn bản QPPL trong năm</i>
	<i>100% văn bản QPPL xây dựng, ban hành đúng quy định pháp luật và đúng tiến độ được giao (phân công): 1.5</i>
	<i>100% văn bản QPPL xây dựng, ban hành đúng quy định pháp luật nhưng có văn bản chậm tiến độ: 1</i>
	<i>Từ 80% - dưới 100% văn bản QPPL xây dựng, ban hành đúng quy định pháp luật: 0.5</i>
	<i>Dưới 80% văn bản QPPL xây dựng, ban hành đúng quy định pháp luật: 0</i>

c) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 3.4.2 như sau:

3.4.2	Tham mưu công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh
	<i>100% TTHC thuộc phạm vi quản lý được công bố đúng quy định: 1</i>
	<i>Chưa hoàn thành công bố hoặc công bố không đúng quy định: 0</i>

d) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 3.4.3 như sau:

3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức đối với các trường hợp hồ sơ TTHC quá hạn trả kết quả và niêm yết văn bản xin lỗi trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
	<i>100% trường hợp hồ sơ quá hạn trả kết quả được xin lỗi đúng quy định và niêm yết văn bản xin lỗi trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: 2</i>
	<i>Dưới 100% trường hợp hồ sơ quá hạn trả kết quả được xin lỗi đúng quy định hoặc dưới 100% văn bản xin lỗi được niêm yết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: 0</i>
	<i>Đối với đơn vị không có hồ sơ trễ hạn thì đạt điểm tối đa.</i>

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Phụ lục II: Tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá chỉ số CCHC cấp huyện

a) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí 1.8 như sau:

1.8	<i>Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm</i>
1.8.1	<i>Tất cả nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 1.5</i>
1.8.2	<i>Tất cả nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng có một số nhiệm vụ bị trễ hạn tính theo công thức: $(b/a) \times 1.5 + (c/a) \times 1$ Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao (Điều kiện $a \neq 0$).</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn.</i> <i>c là số nhiệm vụ đã hoàn thành trễ hạn.</i></i>
1.8.3	<i>Các trường hợp khác tính theo công thức: $(b/a) \times 1.5 + (c/a) \times 1 + (d/a) \times 0.5$ Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao (Điều kiện $a \neq 0$).</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn.</i> <i>c là số nhiệm vụ đã hoàn thành trễ hạn.</i> <i>d là số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành.</i></i>
1.8.4	<i>Tất cả nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0</i>

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 3.3.5 như sau:

3.3.5	Phối hợp tham mưu công bố TTHC nội bộ cấp huyện
	<i>100% TTHC thuộc phạm vi quản lý được công bố đúng quy định: 0.5</i>
	<i>Chưa hoàn thành công bố hoặc công bố không đúng quy định: 0</i>

c) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 3.3.4 như sau:

3.3.4	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức đối với các trường hợp hồ sơ TTHC quá hạn trả kết quả và niêm yết văn bản xin lỗi trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
	<i>100% trường hợp hồ sơ quá hạn trả kết quả được xin lỗi đúng quy định và niêm yết văn bản xin lỗi trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: 0.75</i>
	<i>Dưới 100% trường hợp hồ sơ quá hạn trả kết quả được xin lỗi đúng quy định hoặc dưới 100% văn bản xin lỗi được niêm yết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: 0</i>
	<i>Đối với đơn vị không có hồ sơ trễ hạn thì đạt điểm tối đa.</i>

d) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 7.2.3 như sau:

7.2.3	Thực hiện các chế độ báo cáo qua Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo Văn phòng Chính phủ
	<i>Tính điểm theo công thức: b/a * điểm tối đa.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là số chế độ báo cáo yêu cầu thực hiện qua Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo Văn phòng Chính phủ.</i> <i>b là số báo cáo thực hiện đầy đủ, đúng quy định, kịp thời qua Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.</i> <i>Lưu ý: Nếu chế độ báo cáo có nhiều kỳ trong năm (hàng tháng, hàng quý), nếu cơ quan, đơn vị khi thực hiện có 01 kỳ báo cáo trở lên thực hiện không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không kịp thời, thì năm đó không đạt điểm chế độ báo cáo đó và không được cộng vào số lượng báo cáo thực hiện đầy đủ, đúng quy định, kịp thời (không được cộng vào số b).</i>

đ) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 7.3.3 như sau:

7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a) * điểm tối đa.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm</i>

<p><i>cả trực tuyến và không trực tuyến)</i></p> <p><i>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)</i></p> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, công việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng (tiếp nhận trực tuyến, xử lý trực tuyến, thanh toán trực tuyến). Kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</i></p>
--

e) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí thành phần 7.3.5 như sau:

7.3.5	Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các TTHC đủ điều kiện
	<p>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến = tổng số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến/tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh hồ sơ: 1.5</p> <p><i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa.</i></p> <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i></p> <p><i>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i></p>
	<p>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 1.5</p> <p><i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa.</i></p> <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá</i></p> <p><i>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i></p>

f) Bỏ tiêu chí thành phần 7.3.2./.